(Đề thi có ... trang)

**BỘ GIÁO DUC VÀ ĐÀO TẠO KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2022**

**Bài thi: NGOẠI NGỮ; Môn thi: TIẾNG ANH**

Thời gian làm bài: 60 phút, không kế thời gian phát đề

**Họ, tên thí sinh:**

**Số báo danh:**

**GIẢI CHI TIẾT ĐỀ SỐ 10**

Question 1:

1. developing- develop (v): phát triển
2. developer(n): nhà phát triển

c. develop (v): phát triển

D. development (n): sự phát triển

Ta cân 1 danh từ, kết hợp vói employee để tạo thành 1 danh từ ghép employee development: sự  
phát triển của nhân viên

**Tạm dịch:** Co hội cho nhân viên phát triển đã trở thành yếu tố quan trọng thứ hai tại noi làm việc.  
**—> Chọn đáp án D**

**Question 2:**

Động từ to be "were" ở thể khẳng định nên câu hỏi đuôi ờ thể phủ định  
Chủ ngữ là danh từ số nhiều "plants" nên câu hoĩ đuôi la "They"  
**Tạm dịch:** Thực vật ở Bắc California được mô tả tươi tốt phải không?

**—> Chọn đáp án D**

**Question 3:**

1. knack: sự thông thạo, sự khéo tay
2. grasp: sự nắm được, sự hiểu thấu  
   C. comprehension: sự hiểu, sự lĩnh hội, sự nhận thức

D. aptitude: thái độ

Have a good grasp of sth: nắm vững cái gì

Have a knack/an aptitude for sth: có năng khiếu làm gì

**Tạm dịch:** Nàm vững về công nghệ hiện đại đang trở thành điêu bắt buộc đối với đa số nhân viên  
tương lai trong các công ty.

**—> Chọn ■ lap án** B

**Question 4:**

Giải thích:

Apply for sth: nộp đơn ling tuyển cho vị trí gì

Apply to sth: nộp đơn vào trường, vào khóa học nào đó

**Tạm dịch:** Kết quả tồi tệ của John đã khiến anh ta không được nhận vào trường đại học mà anh ta  
đã nộp đơn.

**—> Chọn đáp án A**

**Question 5:**

A. grudgingly: bất đắc dĩ, miễn cưỡng

B. discerningly: nhận thức rõ, thấy rõ, sâu sắc

**C.** discreetly: kín đáo, không gây 'ôn ào, xấu hổ  
judiciously: sáng suốt, khôn ngoan

**Tạm dịch:** Vì những đứa trẻ có liên quan, họ muốn giải quyết vụ án càng nhanh và càng kín đáo  
càng tốt.

**—> Chọn đáp án c**

**Question 6:**

Because + mệnh đề: bởi vì

Due to/Because of + N/Ving: bởi vì  
In spite of/Despite + N/Ving: mặc dù

Even though/Although/Though + mệnh đề: mặc dù

l\a

Ta cần 1 giói từ, nối 1 mệnh đề với 1 dan từ —> Loại c D.

Hợp nghĩa ta chọn B. because of

**Tạm dịch:** Dave bị loại khỏi đội bởi vì thành tích kém cỏi của anh ấy.

**—> Chọn đáp án B**

**Question 7:**

Giải thích:

Quy tắc sắp xếp các tính từ:

OSASCOMP: Opinion - Size - Age - Shape - Colour - Origin - Material - Purpose

|  |  |
| --- | --- |
| New: mới - age  Black: màu đen - color  Italian: từ Ý -origin |  |

**Tạm dịch:** Anh trai tôi rất thích một chiếc **xe** hơi mới màu đen từ Ý được trưng bày trong phòng  
triển lãm.

\* take a keen interest in sth: thích cái gì  
**—> Chọn đáp án A**

**Question 8:**

A. takes on - take on: tuyến thêm nhân viên, đảm nhận

B. puts up - put up: dựng lên

C. turns into - turrn into: biến thành, trở thành

D. runs out - run out of sth: hết, cạn kiệt cái gì

**Tạm dịch:** Ghế sofa này có thể biến thành giường ngủ, vật là đã có một chỗ cho bạn ngủ tối nay  
nếu bạn cân ở lại.

**—\* Chọn đáp án c**

**Question 9:**

**Kiến thức: Ngữ pháp**

\* Dùng thì quá khứ tiếp diễn kết hợp vói thì hiện tại đơn đê’ chỉ hành động gì đang xảy ra trong  
quá khứ thì hành động khác xen vào.

\* Thì quá khứ tiếp diễn: s + was/ were + V-ing  
\* Thì quá khứ đơn: s + V-ed**Tạm dịch:** Chúng tôi đang đi đến bệnh viện để thăm Mike thì anh ấy gọi điện bảo rằng anh ấy  
vẫn ổn.

**—> Chọn đáp án A**

**Question 10:**

Ta quan sát, vế chính đang chia tương lai đơn

—> Loại A và c vì chia ở quá khứ.

D sai vì by the time + HTĐ, TLHT.

—» Đáp án đúng là B

**Tạm dịch:** Giám đốc sẽ đền bù mọi chi phí phát sinh một khi nhân viên nộp bảng kê khai chi phí  
công tác.

**—> Chọn đáp án B**

**Question 11:**

1. connecting - connect (v): kết nối
2. direct (adj): trực tiếp

**C.** long-haul (adj): đường dài (chuyến bay)

D. scheduled (adj): đã được lên lịch sẵn

Tất cả các từ trên đều đi với flight để tạo thành collocation đúng, nhưng chỉ có direct là hợp nghĩa  
trong câu này.

**Tạm dịch:** Jamie không thể có chuyến bay trực tiếp đến Athens nên anh ấy sẽ đi qua Frankfurt.

**—> Chọn đáp án B**

**Question 12:**

Egg (v) somebody on: khích lệ ai làm gì, đặc biệt thứ không tốt lắm

**Tạm dịch:** Đừng ép anh ấy uống thêm nữa. Không thấy hắn say bí tỉ rồi à?

**—> Chọn đáp án c**

**Question 13:**

Cấu trúc bị động đặc biệt:

Be believed/thought/assumed 'said + to V (nếu 2 hành động xảy ra cùng thì, cùng thời gian) hoặc +  
to have PII (nếu hành động thứ 2 xảy ra trước hành động 1).

Ta có thể thấy, vế 1 đang chia "is believed" => ở hiện tại

Vế sau có last night => ở quá khứ.

=> Câu gốc sẽ là: People believe that the whole area was destroyed by the unexpected cyclone last  
night.

=> The whole are is believed to have been destroyed by the unexpected cyclone last night.  
**Tạm địch:** Người ta cho rằng, toàn bộ khu vực đã bị phá huỷ bởi cơn bão bất ngờ đêm qua.  
**—» Chọn đáp án D**

**Question 14:**

Rút gọn mệnh đề trạng ngữ đồng chủ ngữ

**Viết đầy đủ:** Computer algorithms were developed a few years ago. They were used to help verify  
the reliability of the information posted.

Câu trước mang nghĩa bị động nên rút gọn dạng Ved.

**Rút gọn:** Developed a few years ago, computer algorithms were used to help verify the reliability  
of the information posted.

**Tạm dịch:** Được phát triển một vài năm trước, các thuật toán máy tính đã được sử dụng để giúp  
xác minh độ tin cậy của thông tin được đăng.

**—> Chọn đáp án c**

**Question 15:**

So sánh càng càng: The + so sánh hon + s + V, the + so sánh hon + s + V.

Get được coi như to be, nên ta sẽ dùng adj bored và đây là tính từ dài, nên ta sẽ dùng more.  
**Tạm dịch:** Bài giảng càng chi tiết, sinh viên càng thây chán.

**—> Chọn đáp án B**

**Question 16:**

**Tạm dịch:** Linda và Peter đang nói chuyện với nhau trong giờ giải lao.

Linda: "Bạn có tưởng tượng một ngày nào đó mình đang sống ở một đất nước khác không?

Peter:"

!l

1. Tôi khá thích đi du lịch
2. Điều đó có lẽ đúng.

C. Xin lỗi khi nghe điêu đó.

D. Tôi chắc chắn sẽ cân nhắc điêu này

\* Entertain the idea: cân nhắc về ý tưởng.

**—> Chọn đáp án D**

**Question 17:**

**Tạm dịch:** Hai học sinh, Mark và David, đang nói về việc sử dụng sổ ghi chép.

Mark: "Sử dụng sổ ghi chép thay vì máy tính bang để ghi lại các ý tưởng có thể là một cách tuyệt  
vời."

David: " . Chúng hỗ trọ sắp xếp suy nghĩ của bạn. "

1. Tôi hoàn toàn đồng ý vói ý kiến của bạn
2. Tôi hoàn toàn không đồng ý với bạn.

C. Tin hay không tùy bạn.

D. Vậy, vấn đề là gì?

Cụm từ diễn đạt sự đồng ý:

"You can say hai ìgain": Tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến của bạn  
= I totally .igree with you

= I couldn't agree with you more.

= I go along with you

= I hold the same opinion. = You have a point there.

**—> Chọn đáp án A**

**Question 18:**

1. requirement /ri'kwaiarmant/
2. character/1 kaer ekter/

C. position/pa'zijn/

D. dependence /di'pendens/

Trọng âm của đáp án B rơi vào âm 1, trọng âm của các đáp án còn lại rơi vào âm 2  
**—> Chọn đáp án B**

**Question 19:**

1. exam /ig'zeem/
2. degree /dl'gri:/

C. report/ri'pa:rt/

D. comment / 'knment/

Trọng âm của đáp án D rơi vào âm 1, trọng âm của các đáp án còn lại rơi vào âm 2  
**—» Chọn đáp án D**

**Question 20:**

**Kiến thức phát ầm đuôi "ed"**

* □ Đọc là /id/ khi âm cuối của từ kết thúc bằng 2 âm: /t/, /d/
* Đọc là /t/ khi âm cuối của từ kết thúc bằng các âm sau: /k/, /p/, /s/, /f/, /tJ7, /J7
* □ Đọc là /d/ khi âm cuối của từ kết thúc bằng: các âm còn lại

Đuôi "ed" trong đáp án D phát âm là /t/, đuôi "ed" trong các đáp án còn lại phát âm là /id/  
**—> Chọn đáp án D**

**Question 21:**

1. achieve /a'tjì:v/
2. challenge / 'tjaehndj/  
   C. attempt /a 'tempt/  
   D. admit /ad'mit/

Chữ "a" trong đáp án B phát âm là */se* /, trong các đáp án còn lại phát âm là / a/  
**—> Chọn đáp án B**

**Question 22:**

Giải thích:

1. business: việc kinh doanh
2. dream: giấc mơ

C. project: dự án

D. innovation: sự cảỉ tiến

enterprise trong cầu này mang nghĩa dự án, vì nếu ta coi nó có nghĩa là doanh nghiệp, thì không  
thể ghép với difficult được.

—> enterprise = project

**Tạm dịch:** rinh thân đồng đội sẽ là yếu tố quan trọng nhất trong dự án khó khăn này.

**-> Chọn đáp án** c

**Question 23:**

1. affected: bị ảnh hưởng
2. disrupted: bị gián đoạn

C. prevented: bị ngăn cản

D. ignited: bị kích thích, bị bốc cháy  
stricken - strike: ảnh hưởng, tàn phá ~ affected

**Tạm dịch:** Mặc dù đất nước này bị ảnh hưởng nặng hê bởi đại dịch, nhưng công dân từ chối tuân  
thủ các quy tắc xã hội xa cách.

**—> Chọn đáp án A**

**Question 24:**

1. acquire: đạt được, giành được
2. join: tham gia

c. invest: đầu tư

D. divide: phân chia  
amalgamate /a 'maelgameit/: hợp nhất, sát nhập = merge >< divide  
**Tạm dịch: Có** tin đồn rằng công ty chúng tôi sẽ hợp nhất vói một công ty địa phương khác đế

thành lập một tập đoàn.

\* Rumour has it that: có tin đồn rang

**—> Chọn đáp án D**

**Question 25:**

1. một sự bất đồng
2. một cuộc tranh luận sôi nổi

**c.** một cuộc thảo luận nhàm chán

D. một sự chấp thuận

a cut and thrust: cuộc tranh luận sôi nổi >< a boring discussion

**Tạm dịch:** Tôi thực sự thích một cuộc tranh luận sôi noi vói James; anh ấy luôn có một quan điểm  
độc đáo, ngay cả khi chúng tôi thỉnh thoảng bất đồng quan điểm với nhau.

**—> Chọn đáp án c**

**Question 26:**

**Tạm dịch:** Tom bị cảm lạnh. Anh ấy không thể đi dã ngoại vói bạn bè của mình.

1. Nếu trời không bị cảm, Tom có thê đã đi dã ngoại với bạn bè của mình.
2. Tom ước anh ấy không bị earn lạnh và anh ấy có thể đi dã ngoại với bạn bè của mình,  
   C. Giá như Tom bị cảm lạnh và anh ấy có thể đi dã ngoại với bạn bè.

D. Trừ khi Tom bị cảm lạnh, anh ấy có thể đi dã ngoại với bạn bè của mình.

**Cấu trúc cần lưu ý:**

Chúng ta dùng câu điều kiện loại 3 để diễn tả một sự việc không có thật ở quá khứ  
Công thức câu điêu kiện loại 3:

If S + had + Ved/PII, s + would/ could + have + Ved/PII

But for + Noun Phrases/Ving, s + could/would + have + Ved/PII...  
If it hadn't been + for + N, s + could/would + have + Ved/PII...

Had + s + (not) P2/Ved, s + Would have + P2/Ved

Các đáp án còn lại:

Đáp án B sai ở thì của động từ "could go" —> (Could go —> could have gone)

Đáp án c sai về nghĩa

Đáp án D sai cấu trúc câu điều kiện. Phải dùng câu điều kiện loại 3 không phải loại 2

**—> Chọn đáp án A**

**Question 27:**

**Tạm dịch: Cô** yêu cầu con trai kê lại toàn bộ câu chuyện. Cô nhận ra rằng anh đã bị lạm dụng bởi  
các bạn cùng lớp và thậm chí cả giáo viên của mình.

1. Chỉ sau khi cô yêu cầu con trai mình kể lại toàn bộ câu chuyện, cô mới biết rằng đã bị các bạn  
   cùng lớp và thậm chí cả giáo viên lạm dụng.
2. Yêu cầu con trai kể lại toàn bộ sự việc, con trai cô đã bị các bạn trong lớp, thậm chí cả giáo viên  
   bạo hành.

**C.** Mãi cho đến khi cô yêu câu con trai mình kể lại toàn bộ câu chuyện, cô mói nhận ra rằng cậu đã  
bị các bạn cùng lớp và thậm chí cả giáo viên bạo hành.

ệ

D. Nếu cô ấy không yêu cầu con trai mình kể toàn bộ câu chuyện, cô ấy sẽ nhận ra r  
bị bạn cùng lớp và thậm chí cả giáo viên lạm dụng.

**Cấu trúc cần lưu ý:**

Cấu trúc vói "not until":

Not until + mệnh đề + mệnh đề đảo ngữ: mãi cho tới khi

lXa

= It is/ was not until + time word/ phrase/ clause + that... + s + V  
—> Chọn **c**

Đáp án B, D khác nghĩa vói gốc câu

Đáp án A sai cấu trúc (Mệnh đề "she realised..." phải đảo ngũ’):

Khi một câu bắt đầu bằng Only When, Only after, Only by, . . .thì ta sử dụng đảo ngữ cho vế  
chính.

Trong câu này, dịch nghĩa ra, khi mà thế này thì sẽ thế kia, ta dùng thì tưong lai cho vế chính và  
đảo ngữ ta được cấu trúc will s V.

Cấu trúc: Only + when/after + s + V + trọ động từ + s + V

**—> Chọn đáp án C**

**Question 28:**

Ta quan sát "suffered" ở quá khứ đon, nên "is" cũng phải chia quá khứ đon.

Sửa: is was

**Tạm dịch:** Máy bay chuyên nướng đến sân bay khác vì bị hỏng động co giữa chuyến bay.

**—> Chọn đáp án A**

**Question 29:**

Cần tính từ sơ hữu đề cập đến danh từ số nhiều "Overly adventurous people"

Sửa: our —> their

**Tạm dịch:** Nhũ ng người quá mạo hiểm có thể khó thành công trong nghề nghiệp của họ

**—> Chọn đáp án D**

**Question 30:**

Endurable (adj): có thể chịu đựng được  
unendurable (adj): không thê chịu đựng được  
Dựa vào nghĩa, sửa:

Endurable —> unendurable

**Tạm dịch:** Ớ Nhật Bản, việc nghỉ hưu đã trở thành một công việc rủi ro đối vói nhiều bà vợ,  
những người cảm thấy sự có mặt của chồng mình ở nhà là không thể chịu đựng được

**—> Chọn đáp án D**

**Question 31:**

**Tạm dịch:** Điều quan trọng là bạn phải học các kỹ năng tính toán cơ bản.  
**\*Xét các đáp án:**

1. Bạn không cần phải học các kỹ năng tính toán cơ bản.
2. Bạn không được phép học các kỹ năng tính toán cơ bản.

c. Bạn nên học các kỹ năng tính toán cơ bản.

**D.** Bạn có lẽ học các kỹ năng tính toán cơ bản.

**—> Chọn đáp án c**

**Question 32:**

**Tạm dịch:** "Tôi sẽ không nói chuyện vói quản lý của bạn," Mike nói với tôi.

1. Mike từ chối nói chuyện với người quản lý của tôi.
2. Mike đã cảnh báo tôi không được nói chuyện với người quản lý của mình,  
   **c.** Mike khuyên tôi không nên nói chuyện với người quản lý của mình.

D. Mike thừa nhận đã không nói chuyện với người quản lý của tôi.

Cấu trúc cân lưu ý: Refuse to do sth: làm gì

**—> Chọn đáp án** A

**Question 33:**

**Tạm dịch: Cô** ấy chưa bao giờ được thưởng thức một bữa ăn ngon như vậy.

1. Cô ấy đã nếm một bữa ăn ngon như vậy nhiều lần.
2. Đây là lần đầu tiên cô ấy được thưởng thức một bữa ăn ngon như vậy.  
   **c.** Lần cuối cùng cô ấy được nếm một bữa ăn ngon như vậy là không rõ.

D. Cô ấy không bao giờ thích nếm một bữa an ngon như vậy.

Cấu trúc cần lưu ý: It/ This is the first time + s + have/has + P2: Lần đầu làm gì  
—> S +have/has + never + P2 + before —> s+ have/has not + P2 + before

**—> Chọn đáp án** B, Các đáp án còn lại khác nghĩa với câu gốc

**DỊCH BÀI**

Thế giới trực tuyến Second L fe là một ví dụ hấp dẫn về cách mọi người đầu tư, cả về tài chính và  
tình cảm, vào thế giới công nghệ xã hội. Quan trọng là, những người sáng tạo và người dùng của  
Second Life không gọi nó là một trò chơi, mà đó là một nơi sinh sống; và người dùng không phải  
là người chơi, họ là cư dân. Mọi thứ trong thế giới ảo đều do người dùng xây dựng và do họ sở  
hữu và bất kỳ giá trị nào được tạo ra đều có thể được quy đổi thành đô la Mỹ trong thế giới thực  
bằng cách SL dụng một trong số các trang web trao đổi tiên tệ đặc biệt. Hàng trăm người đang  
thực sự kiếm sống từ hàng hóa và dịch vụ không có thực

Phillip Rosedale, Giám đốc điều hành của Second Life, không cảm thấy quá lo lắng với loại hình  
kinh doanh này. Ông nói: 'Mọi người luôn trả tiền thật cho những thứ không có thật'. Ví dụ,  
chúng ta trả tiền thật cho các thương hiệu như Gucci. Thương hiệu không có bất kỳ giá trị nào  
ngoài ý tưởng rằng chúng ta đồng ý rằng chúng đại diện cho một bộ giá trị nhất định khác vói sản  
phẩm. ' Nhưng cũng giống như với truyền hình và trò chơi điện tử, sự nhiệt tình và thời gian mà  
một số người đầu tư vào MMORPG (Trò chơi nhập vai trực tuyến nhiêu người chơi) có thể được  
coi là đáng báo động. Vào tháng 11 năm 2005, Jon Jacobs, một đạo diễn phim độc lập từ Miami, đãchi 100.000 đô la cho một trạm vũ trụ ảo trong trò choi khoa học viễn tưởng Project Entropia, cái  
mà anh dự định biến thành một câu lạc bộ và sẽ tính phí những người dùng khác ghé thăm.

**Question 34:**

Kiến thức về đại từ quan hệ

Ta cần 1 đại từ quan hệ thay cho danh từ chỉ vật "value" => Dùng that

**Tạm dịch:** Everything within the virtual world is built by the users and owned by them, and any  
value that is generated can be exchanged into real-world US dollars using one of a number of  
special currency-exchange sites.

(Mọi thứ trong thế giói ảo đều do người dùng xây dựng và do họ sở hữu và bất kỳ gia trị nào  
được tạo ra đều có thê’ được quy đổi thành đô la Mỹ trong thế giói thực bang cách sư dụng một  
trong số các trang web trao đổi tiền tệ đặc biệt.)

**—► Chọn đáp án C**

**Question 35:**

1. progress: sự tiến triển, sự tiến bộ
2. living: sinh kế, sinh hoạt  
   **c.** commitment: sự cam kết

D. decision: quyết định

Make/ earn a living: kiếm sống

**Tạm dịch:** Hundreds of people are already making a real living from unreal goods and services.

(Hàng trăm người đang thực sự kiếm sống được từ hàng hóa và dịch vụ ảo.)

**—> Chọn đáp án B**

**Question 36:**

1. Nevertheless: tuy vậy
2. Therefore: do vậy

**C.** In addition: thêm vào đó

D. For instance: ví dụ

Ta có thể câu sau Phillip đang lấy ví dụ về việc con người trả tiên cho những thứ không có thực.  
**Tạm dịch:** Phillip Rosedale, CEO of Second Life, is untroubled by this kind of entrepreneurialism.  
'People pay real money for things that aren't real all the time', he says. For instance, we pay real  
money for brands, like Gucci.

(Phillip Rosedale, Giám đốc điêu hành của Second Life, không quá lo lắng về loại hình kinh doanh  
này. Ông nói: 'Mọi người luôn trả tiền thật cho những thứ không có thật'. Ví dụ, chúng ta trả tiền  
thật cho các thưong hiệu như Gucci.)

**> Chọn đáp án D**

**Question 37:**

Giải thích:

1. symbolised - symbolise: tượng trưng cho, là biểu tượng của
2. shaped - shape: tạo dựng, định hình

**C.** characterised - characterise: là đặc điểm tiêu biểu của ai/cái gì  
D. perceived - perceive: hiểu, lĩnh hội, coi  
be pereived as adj: được coi là như thế nào

**Tạm dịch:** But just as with television and video games, the enthusiasm and time which some  
people invest in MMORPGs (Massively Multiplayer Online Role Playing Games) can be perceived  
as alarming.

(Nhưng cũng giống như vói truyền hình và trò choi điện tử, sự nhiệt tình và thòi gian mà một số  
người đầu tư vào MMORPG (Trò choi nhập vai trực tuyến nhiều người chơi) có thể được coi là  
đáng báo động.)

**—» Chọn đáp án D**

**Question 38:**

1. Other + danh từ số nhiều: vài(cái) khác, theo sau là danh từ số nhiều
2. many of the + danh từ số nhiều

c. every + danh từ số ít: mỗi, mọi

D. almost: hâu như, gần như (almost every + Noun *I* almost + adj/V)

**Tạm dịch:** In November 2005, Jon Jacobs, a director of independent ffrms from Miami, spent  
$100,000 on a virtual space station in the science-fiction themed game Project Entropia, which he  
plans to turn into a club that he'll charge other users to visit.

(Vào tháng 11 năm 2005, Jon Jacobs, một đạo diễn phim độc lập từ Miami, đã chi 100.000 đô la cho  
một trạm vũ trụ ảo trong trò chơi khoa học viễn tưởng Project Entropia, cái mà anh dự định biến  
thành một câu lạc bộ và sẽ tính phí những người dùng khác ghé thăm.)

**—> Chọn đáp án A**

DỊCH BÀI

Một thực tế phổ biến là các đường phố càng sáng vào ban đêm, chúng càng ít nguy hiểm hơn.  
Mặc dù giúp những cư dân hay lo lắng cua thành phố thấy an toàn hơn, ánh sáng đèn đường lại  
bị coi là xấu xí. Trong nỗ lực làm cho thành phố Glasgow của Scotland trở nên hấp dẫn hơn vào  
ban đêm, hội đồng địa phương đã quyết định thay thế hệ thống chiếu sáng màu vàng đặc trưng ở  
một trong những khu vực mua sắm chính của thành phố, Phố Buchanan, bằng đèn đường tạo ra  
ánh sáng xanh. Những chiếc đèn mới thành công ngay lập tức, nhiều hơn những gì mà hội đồng  
mong đợi. Không chỉ công dân của Glasgow hài lòng với những thay đổi mà một số người trong  
số họ cũng hành xử tốt hơn nhiều

Sau khi lắp đặt đèn mới, cảnh sát địa phương cảm thấy rằng những tên trộm phạm tội ít hơn ở  
phố Buchanan. Kiểm tra nhanh các số liệu thống kê đã chứng minh rằng số vụ phạm tội được ghi  
nhận đã giam xuống - đặc biệt là các tội nhỏ như móc túi và giật túi xách. Đó có phải là một sự  
trùng hợp? Theo một số nhà tâm lý học thì không. Họ cho rằng màu xanh lam là một màu sắc dễ  
chịu và giảm mức độ căng thẳng và hung hăng của con người. Dù lý do là gì, có vẻ như ánh sáng  
xanh có tác dụng ngăn chặn tội phạm và một số các quốc gia khác cũng thể hiện sự thích thú với  
hệ thống đèn đường này. Hệ thống chiếu sáng xanh hiện đã được lắp đặt ở nhiều khu phố ở Nhật  
Bản, và ở đó đã chứng kiến tỷ lệ tội phạm giảm tương tự như ở Glasgow.

Question 39:

Tiêu đề nào có thê là hay nhất cho đoạn văn?

1. Sáng hơn và an toàn hơn.
2. Cảm nhận được màu xanh

c. Tác động của đèn đường màu vàng.

D. Tắt đèn mang lại tội nhỏ!

Bài văn nói về những tác động của ánh sáng xanh ở Glasgow, khi đường phố được thắp lên  
những ánh sáng màu xanh, tỷ lệ tội phạm đã giảm đi trông thấy.

Ta lưu ý, feel blue trong trường hợp này, mang nghĩa đen, chính là màu xanh, chứ không phải  
blue trong nghĩa buồn.

A sai vì chúng ta cứ nghĩ đường phố sáng đèn vào ban đêm sẽ giảm số lượng tội phạm, nhưng  
ánh sáng tạo ra lại mang lại cảm giác xấu xí. Và hội đồng ở Glasgow đã thay những chiếc đèn ít  
sáng hon, điều đó mói khiến cho tỷ lệ tội phạm ít đi.

c sai vì bài không tập trung nói tác động của đèn đường màu vàng.

D sai vì không nói tói việc tắt đèn đường.

**—► Chọn đáp án B**

**Question 40:**

Từ 'them' trong đoạn 2 đề cập đến

1. những chiếc đèn
2. những công dân

C. các thay đổi

D. những cách

Dựa vào ngữ cảnh tác giả sử dụng từ "them"  
"Not only were the citizens of Glasgow content with the changes, but some of them were also  
behaving much better.

—> "them" đề cập đến "the citizens of Glasgow"

**Tạm dịch:** Không chỉ công dân của Glasgow hài lòng với những thay đổi mà một số người trong  
số họ cũng hành xử tốt hơn nhiều.

—> "Them" đề cập đến "các công dân của Glasgow"

**—> Chọn đáp án B**

**Question 41:**

Từ **'deter'** trong đoạn 3 gai ghĩa nhất với

1. induce: đem lại
2. facilitate: trang bị

c. innovate: cải tĩến, đổi mới

D. discourage: ngăn cản, cản trở

Determgăn cản ~ discourage

**—> Chon đáp án D**

**Question 42:**

Theo đoạn văn, điều gì đáng chú ý về sự thay đổi màu sắc của ánh sáng ở Glasgow?

1. Nó dẫn đến giảm tất cả các hình thức tội phạm.
2. Điều đó có nghĩa là công dân thể hiện nhiều mức độ nhạy cảm hơn.

c. Nó dẫn đến những thay đổi theo cách mà hội đồng không lường trước được.

D. Nó cải thiện thẩm mỹ của thành phố.

**Thông tin:** The new lights were an instant success - and in more ways than the council had  
expected. Not only were the citizens of Glasgow content with the changes, but some of them were  
also behaving much better.

**Tạm dịch:** Những chiếc đèn mới thành công ngay lập tức, nhiều hon những gì mà hội đồng mong  
đợi. Không chỉ công dân của Glasgow hài lòng vói những thay đổi mà một số người trong số họ  
cũng hành xử tốt hơn nhiều.

\* Đáp án A sai vì trong bài có nhắc đến giảm tỉ lệ tội phạm nhưng không nói đến giảm toàn bộ các



Thông tin: After the installation of the new lights, the local police felt that thieves were

committing fewer crimes in Buchanan Street.

**Tạm dịch:** Sau khi lắp đặt đèn mới, cảnh sát địa phương cảm thầy rằng những tên trộm phạm tội  
ít hơn ở phố Buchanan.

B và D không được đề cập tới trong đoạn văn.

B và D không được đề cập tới trong đoạn văn.

**—> Chọn đáp án** C

**Question 43:**

Nội dung nào sau đây KHÔNG được đề cập, theo đoạn văn?

1. Diện mạo mới do đèn đường tạo ra không được một số người dân đánh giá cao.
2. Sáng kiến được đưa ra bởi hội đồng địa phương có tac động vượt ngoài mong đợi đến tỷ lệ tội  
   phạm.

c. Cảm quan của cảnh sát sau khi thay đổi ánh sáng đã được xác nhận bởi các thống kê.  
D. Những phát hiện được quan sát thây ở Glasgow đã được lặp lại ở một quốc gia khác.

**+ Thông tin:** Not only were the citizens of Glasgow content with the changes, but some of them  
were also behaving much better.

**Tạm dịch:** Không chỉ công dân của Glasgow hài lòng vói những thay đổi mà một số người trong  
số họ cũng hành xử tốt hơn nhiều.

—> A không được đề cập, vì ta không biết có ai không hài lòng hay không.

**+ Thông tin:** The new lights were an instant success - and in more ways than the council had  
expected.

**Tạm dịch:** Những chiếc đèn mới đã thành công ngay lập tức - và theo nhiều cách hơn cả những gì  
mà hội đồng mong đợi.

—> Việc lắp những bóng đèn xanh có tác động vượt xa mong đợi của hội đồng

—> B đúng

**+ Thông tin:** After the installation of the new lights, the local police felt that thieves were  
committing fewer crimes in Buchanan Street. A quick check of the statistics proved that the  
number of recorded crimes had fallen - especially petty crimes such as pickpocketing and bag  
snatching.

**Tạm dịch:** Sau khi lắp đặt đèn mới, cảnh sát địa phương cảm thấy rằng những tên trộm đang  
phạm tội ít hơn ở phố Buchanan. Kiểm tra nhanh các số liệu thống kê đã chứng minh rằng số vụ  
phạm tội được ghi nhận đã giảm xuống - đặc biệt là các tội nhỏ như móc túi và giật túi xách.

—> C đúng

**+ Thông tin:** Whatever the reason, it seems that blue lighting does deter crime and it has created  
interest abroad. Blue lighting has now been installed in many neighbourhoods in Japan, and they  
have seen crime fall at a similar rate as in Glasgow.

**Tạm dịch:** Dù lý do là gì, có vẻ như ánh sáng xanh có tác dụng ngăn chặn tội phạm và nó đã tạo ra  
sự quan tâm ở nưóc ngoài. Hệ thống chiếu sáng xanh hiện đã được lắp đặt ở nhiều khu phố ở  
Nhật Bản, và họ đã chứng kiến tỷ lệ tội phạm giảm tương tự như ở Glasgow.

—> D đúng

**—> Chọn đáp án A**

DỊCH BÀI

Hành vi phi ngôn ngữ là một lĩnh vực tâm lý học nhận được sự chú ý của giới truyền thỏng. Quan  
niệm cho rằng phần lớn các giao tiếp xảy ra không theo nguyên tắc được trích dẫn ơ khắp mọi  
nơi, từ tài liệu văn học tự lực đến các bài báo tâm lý học phổ biến. Các số liệu thường xuyên được  
bàn tán là: chúng ta hiểu được 55% nội dung của một thông điệp từ thành phần thị giác, tức là  
ngôn ngữ hình thê), 38% từ thành phân thính giác (tức là giọng nói) và chỉ 7% thông qua các từ  
ngữ thực tế được sử dụng. Nghe có vẻ phi lý nhỉ? Bởi vì nó thực sự phi lý

Các thí nghiệm ban đầu đưa ra những con số này chỉ áp dụng cho việc truyền đạt cảm xúc - cụ thể  
là cảm giác thích hoặc không thích. Bản thân tác giả của nghiên cứu cũng nhấn mạnh rằng việc áp  
dụng những phát hiện của mình vào giao tiếp nói chung sẽ một sự trình bày sai lệch về nghiên  
cứu của ông. Tuy nhiên, điều đó đã không ngăn việc nà’ xảy ra. Hãy suy nghĩ về vấn đề này  
trong một phút. Làm thế nào bạn có thê hiểu được 43% giao tiếp mà không có lời nói? Nếu bạn  
xem một bộ phim nói tiếng nưóc ngoài, và quan sát ngôn ngữ cơ thể và lắng nghe giọng nói - bạn  
có thể thực sự hiểu được 93% cốt truyện không? Dĩ nhiên là không.

Vào năm 2009, Đài phát thanh 4 của BBC phỏng vấn người đàn ông mà nghiên cứu bị xuyên tạc  
theo nhiều cách, Albert Mehrabian. Trong cuộc phỏng vấn trên đài phát thanh, Mehrabian đã phá  
hủy cách diễn giải bằng việc gia thích rằng nếu anh ta được hỏi cây bút chì ở đâu, anh ta sẽ rất  
vất vả để nói rằng nó nằm trong ngăn kéo thứ ba phía bên trái của bàn làm việc trong phòng ngủ  
trống mà không có sử dụng từ ngữ.

Tuy nhiên, những người dạy kỹ năng giao tiếp cho giám đốc điều hành doanh nghiệp, nhân viên  
bán hàng, chính trị gì.’. và những người khác, tiếp tục duy trì câu chuyện hoang đường, nhắc lại  
nó một cách vô tâm mà không buồn kiểm tra xem nó có đúng không. Giao tiếp phức tạp một cách  
đẹp đẽ. Các khía cạnh phi ngôn ngữ của giao tiếp rõ ràng góp phân vào nội dung thông điệp,  
nhưng ý tương mà chúng truyền tải 93% toàn bộ thông điệp là hoàn toàn sai lầm.

**Question 44:**

Câu nào tốt nhất làm tiêu đề cho đoạn văn?

1. Phá bỏ điêu bí ẩn: 93% giao tiếp không phải là không lời.
2. Tại sao các thí nghiệm ban đầu về giao tiếp cần rất nhiều câu trả lời?

C. Cuộc phỏng vấn của Mehrabian phá hoại nghiên cứu của chính anh ấy vói cái mác là "bị hiểu  
sai".

D. Cải thiện nhanh các dữ kiện của bạn: Một lưu ý nhanh cho các giáo viên truyền thông.

\* brush something up I brush up on something: cải thiện nhanh cái gì

**Dựa vào đoạn đầu và đoạn cuối của bài:**

**3 câu cuối của đoạn** 1: "The figures which are regularly bandied about are: we get 55% of the  
content of a message from the visual component i.e. body language), 38% from the auditory  
component (i.e. tone of voice) and just 7% from the actual words used. Sounds implausible? That's  
because it is."

(Các số liệu thường xuyên được bàn tán là: chúng ta nhận được 55% nội dung của một thông điệp  
từ thành phần thị giác, tức là ngôn ngữ cơ thê), 38% từ thành phấn thính giác (tức là giọng nói) và  
chỉ 7% từ các từ thực tế được sử dụng. Nghe có vẻ phi lý? Bởi vì nó thực sự phi lý.)

**Và câu cuối của đoạn cuối:**

"Non-verbal aspects of communication obviously contribute to message content, but the idea they  
deliver 93% of the entire message is entirely false."

(Các khía cạnh phi ngôn ngữ của giao tiếp rõ ràng góp phân vào nội dung thông điệp, nhưng ý  
tưởng mà chúng truyền tải 93% toàn bộ thông điệp là hoàn toàn sai lầm)

—> Bài văn phá vỡ điều tưởng tượng, khẳng định rằng 93% của việc giao tiếp không phải là phi  
ngôn ngữ.

**—> Chọn đáp án A**

**Question 45:** Theo đoạn 1, người viết cảm thấy điêu gì khó tin?

1. Con người có thể hiểu hơn một nửa giao tiếp thông qua ngôn ngữ cơ thể.
2. Con người có thể đoán được đặc điểm của một người tù thanh điệu của giọng nói

**c.** Con người hiểu được ít nhất 7% nội dung tin nhắn qua những từ thực tế được sử dụng.  
D. Tất cả các sách self-help đều giới thiệu các cảch giao tiếp phi ngôn ngữ.

**Thông tin:** The figures which are regularly bandied about are: we get 55% of the content of a  
message from the visual component i.e. body language), 38% from the auditory component (i.e.  
tone of voice) and just 7% from the actual words used. Sounds implausible? That's because it is.  
**Tạm dịch:** Các số liệu thường xuyên được bàn tán là: chúng ta nhận được 55% nội dung của một  
thông điệp từ thành phần thị giác, tức là ngôn ngữ cơ thê), 38% từ thành phân thính giác (tức là  
giọng nói) và chỉ 7% từ các từ thực tế được sử dụng. Nghe có vẻ phi lý? Bởi vì nó thực sự phi lý.

—> Tác giả khó tin việc các yếu tố thị giác như ngôn ngữ chiếm đến 55% nội dung của một thông  
điệp

**—> Chọn đáp an A**

**Question 46**

Cụm từ **'blew a hole in'** trong đoạn 3 hâu hết có nghĩa là

1. **ấn tượng**
2. thành công

c. phá hủy

D. ảnh hưởng  
blew a hole in: phá huỷ cái gì -damaged

**—> Chọn đáp án c**

**Question 47:**

Từ **'regurgitating'** trong đoạn 4 gần nghĩa nhất vói

A. sửa lại

B. xem xét

c. nhấn mạnh

D. lặp lại

regurgitating - regurgitate /ri'g3:rdjiteit/ (v): lặp lại cái gì ~ repeating

**—> Chọn đáp án D**

**Question 48:**

Từ They' trong đoạn 4 đề cập đến

1. kỹ năng giao tiếp
2. giám đốc điều hành kinh doanh

c. các khía cạnh phi ngôn ngữ

D. người bán hàng

**Thông tin:** Non-verbal aspects of communication obviously contribute to message content, but the  
idea they deliver 93% of the entire message is entirely false.

nhưng ý tưởng mà chúng truyền tải 93% toàn bộ thông điệp là hoàn toàn sai lầm.

**—> "they"** đề cập đến "Non-verbal aspects of communication"

**—> Chọn đáp án C**

**Question 49:**

Theo quan điểm của người viết, điều nào sau đây là đúng?

1. Khó có thể hiểu phim nước ngoài nếu không có phụ đề.
2. Những người có quyền lực cao ở nơi làm việc phải chịu trách nhiệm chính về quan điểm cho  
   rằng giao tiếp không lời là rất quan trọng.

c. Giao tiếp không phải là một khái niệm đơn giản để người bình thường có thể hiểu.

D. Giao tiếp phi ngôn ngữ đóng một vai trò rất nhỏ trong việc truyền tải thông điệp thực tế.

**Thông tin:** If you watch a foreign-language film, and observe the body language and listen to the  
vocal tones - can you really understand 93% of the plot? Of course not.

**Tạm dịch:** Nếu bạn xem một bộ phim nói tiếng nước ngoài, và quan sát ngôn ngữ cơ thể và lắng  
nghe giọng nói - bạn có thể thực sự hiểu được 93% cốt truyện không? Dĩ nhiên là không.

B sai vì bài chỉ nói "Nevertheless, those who teach communication skills to business executives,  
salesmen, politicians and others, continue to perpetuate the myth, mindlessly regurgitating it  
without bothering to check if it is true." - "Tuy nhiên, những người dạy kỹ năng giao tiếp cho  
giám đốc điêu hành doanh nghiệp, nhân viên bán hàng, chính trị gia và những người khác, vẫn  
tiếp tục duy trì câu chuyện hoang đường, lặp đi lặp lại điều đó mà chẳng buồn kiểm tra xem điều  
đó có đúng hay không."

**c** sai vì trong bài chỉ nói "Communication is terrifically and beautifully complex." - "Giao tiếp là  
một thứ gì đó rất phức tạp" => ta không thể suy luận ra rằng người thường không thể hiểu được  
khái niệm giao tiếp.

D sai vì 'Non-verbal aspects of communication obviously contribute to message content, but the  
idea they deliver 93% of the entire message is entirely false." - "Những khía cạnh phi ngôn ngữ  
của giao tiếp rõ ràng góp phân tạo nên ý nghĩa thông điệp, nhưng cái việc cho rằng nó tạo nên

93% toàn bộ ý nghĩa thì sai hoàn toàn." => Giao tiếp không lời vẫn có vai trò, nhưng không thể  
chiếm tói 93% sự hiểu của con người về 1 vấn đề gì đó được.

**—> Chọn đáp án A**

**Question 50:**

Điêu nào sau đây có thể được suy ra từ đoạn văn?

1. Nhà văn có nhiều kinh nghiệm trong việc sử dụng văn học dựa trên tâm lý học
2. Người viết thường xuyên xem phim nói tiếng nưóc ngoài ở chế độ 'câm' và hiếm khi hiểu  
   chúng.

**c.** Người viết phân nào đứng về phía người nghiên cứu ban đầu về giao tiếp phi ngôn ngữ.

D. Người viết có rất ít thời gian dành cho những người dạy kỹ năng giao tiếp.

**Thông tin:** "The original experiments which gave rise to these figures only applied to the  
communication of emotions - specifically, feelings of like or dislike. The author of the study,  
himself, stressed that to apply his findings to communication in general would be a gross  
misrepresentation of his research" - "Những nghiên cứu ban đầu đưa ra những con số chỉ áp  
dụng cho giao tiếp về mặt cảm xúc - cụ thể, cảm xúc yêu hoặc ghét. Tác giả của nghiên cứu này  
nhấn mạnh rằng, áp dụng kết quả nghiên cứu cảu ông vào .giao tiếp nói chúng là sự hiểu lầm  
nghiêm trọng."

—> Vậy tác giả của nghiên cứu ban đầu nói rằng, giao tiếp không lời chỉ áp dụng cho giao tiếp về  
mặt cảm xúc.

Ớ câu cuối, tác giả bài viết nói "Non-verbal aspects of communication obviously contribute to  
message content, but the idea they deliver 93% of the entire message is entirely false." - "Giao tiếp  
không lòi van có vai trò, nhưng không thê chiếm tới 93% sự hiểu của con người về 1 vấn đề gì đó  
được."

—> Ông phần nào đồng ý vói ý kiến của ông tác giả nghiên cứu kia.

**—> Chọn đáp án C**